

Bản án số: 161/2017/HSST

Ngày: 05/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1/Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

2/Bà Bùi Thị Hồng Hoa.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

- Ông Nguyễn Hoài Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ: 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 142/2017/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/Nguyễn Ngọc T - Giới tính: Nam; sinh năm: 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: chung cư A, Phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 01/12; con ông: Nguyễn Văn T; và bà: Nguyễn Thị Hoàng A; có vợ: Nguyễn Thị Xuân T và 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2012); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt giữ ngày: 02/6/2017.

2/Nguyễn Đức T1 - Giới tính: Nam; sinh năm: 1972 tại Sài Gòn; thường trú: chung cư A, Phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm công; trình độ văn hóa: 05/12; con ông: /(vô danh); và bà: Nguyễn Thị T (chết); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt giữ ngày: 02/6/2017.

(Các bị cáo có mặt)

- Người bị hại:

Nguyễn Huy Đ – Sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Trú tại: khu phố A, phường C, Quận D, TP.HCM

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, phường Đ, huyện C, TP.HCM.
 2/Công ty TNHH CÔNG NGHỆ PHẨM THIÊN N (vắng mặt).
 Địa chỉ: đường P, Phường H, Quận Y, TP.HCM.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ 30 ngày 02/6/2017, Nguyễn Ngọc T gặp và rủ Nguyễn Đức T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, T1 đồng ý; T điều khiển xe mô tô biển số 52L7-7913 chở T1 ngồi phía sau; khi đi đến trước nhà số 136 Nhật Tảo, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì T1 nhìn thấy chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest biển số 51A-857.72 của anh Nguyễn Huy Đ dừng tại lề đường không có người trông coi; T1 liền báo T dừng xe cạnh phía bên trái xe ô tô, T1 đi đến phía sau xe ô tô rồi dùng tay phải lấy chiếc nắp chụp bánh xe dự phòng; sau đó, T1 lên xe để T điều khiển bỏ chạy; ngay lúc này, Tổ tuần tra Công an Quận 10 và quần chúng nhân dân phát hiện, bắt giữ T, T1 cùng vật chứng giải giao đến Công an Phường 8, Quận 10 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và hồ sơ ban đầu; sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra làm rõ.

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc nắp chụp bánh xe dự phòng của chiếc xe ô tô hiệu Ford Everest biển số 51A-857.72, qua định giá là 3.000.000 đồng; qua xác minh chiếc xe trên là của Công ty TNHH CÔNG NGHỆ PHẨM THIÊN N, giao cho anh Nguyễn Huy Đ quản lý và lái chiếc xe trên; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả lại cho người bị hại, phía người bị hại cũng không có yêu cầu gì.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố điều tra đối với Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T1 đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 52L7-7913; qua xác minh xác định ông Nguyễn Văn H là người đứng tên giấy đăng ký xe, hiện không xác định được địa chỉ cư ngụ của ông Hiếu; về phía bị cáo T khai mua lại của người khác (không rõ lai lịch) và xe không có giấy tờ, sau đó sử dụng vào việc “Trộm cắp tài sản”; hiện Công an Quận 10 đã tạm giữ lại.

Tại bản cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 09 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay:

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau

khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với người bị hại và xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo (thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại) và nhân thân của từng bị cáo; đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tương ứng đối với từng bị cáo; xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, Nguyễn Đức T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 chiếc xe mô tô biển số 52L7 - 7913 (Loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: FULJIR, số khung: không xác định, số máy: không xác định); qua xác minh xác định ông Nguyễn Văn H là người đứng tên giấy đăng ký xe, hiện không xác định được địa chỉ cư ngụ của ông Hiếu; về phía bị cáo T khai mua lại của người khác (không rõ lai lịch) và xe không có giấy tờ, sau đó sử dụng vào việc “Trộm cắp tài sản”; là phương tiện lưu hành bất hợp pháp; vậy đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của các bị cáo đối chiếu với nội dung lời khai người bị hại, vật chứng, bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, biên bản bắt người phạm quả tang, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là phù hợp. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T1 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Để có tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã lén lút, lợi dụng sự sơ hở của người khác, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản qua định giá là 3.000.000 đồng; do vậy các bị cáo bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng, cung cấp công cụ và giúp sức T1 chiếm đoạt tài sản; còn bị cáo T1 là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; ngoài ra các bị cáo đều có quá trình nhân thân không tốt, cụ thể: đối với bị cáo T: Ngày 13/8/1994 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 4 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản của công dân”, ngày 26/02/1997 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản của công dân”, ngày 11/10/2000 bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 2 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”, ngày 28/8/2004 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử

phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”; đối với bị cáo T1: ngày 10/6/2002 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 1 năm 6 tháng tù về hành vi “ Cướp giật tài sản”, ngày 28/03/2008 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội “ Cướp giật tài sản”; mặc dù tất cả đã được xóa án tích, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm pháp. Do vậy cần phải đưa ra xét xử nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo, qua đó tác dụng răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đồng thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương.

Tuy nhiên xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm p, g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) tương ứng giảm nhẹ một phần hình phạt cho từng bị cáo; đồng thời miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: tài sản đã được thu hồi và giao trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì; do vậy không có gì để Tòa giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 chiếc xe mô tô biển số 52L7 - 7913 (Loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: FULJIR, số khung: không xác định, số máy: không xác định); qua xác minh xác định ông Nguyễn Văn H là người đứng tên giấy đăng ký xe, hiện không xác định được địa chỉ cư ngụ của ông Hiếu; về phía bị cáo T khai mua lại của người khác (không rõ lai lịch) và xe không có giấy tờ, sau đó sử dụng vào việc “Trộm cắp tài sản”; là phương tiện lưu hành bất hợp pháp; vậy áp dụng điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 02/6/2017.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 45; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Đức T;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 02/6/2017.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T1.

- Áp dụng điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tịch thu, sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc xe mô tô biển số 52L7 - 7913 (Loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: FULJIR, số khung: không xác định, số máy: không xác định).

(Tình trạng vật chứng, tài sản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/11/2017 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo T chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.
- Bị cáo T1 chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án, đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10, PC.53;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Triệu Luật